

NHÓM CHỨNG CHỈ RỪNG HUYỆN CON CUÔNG

**BÁO CÁO CHUYÊN ĐỀ
ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG XÃ HỘI (SIA)**



KA-GRIMEX

CON CUONG-FCG

Ban hành 2024

Cập nhật lần thứ 1: T9/2025

Con Cuông, 2025

NHÓM CHỨNG CHỈ RỪNG HUYỆN CON CUÔNG

**BÁO CÁO CHUYÊN ĐỀ
ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG XÃ HỘI (SIA)**



KA-GRIMEX

CON CUONG-FCG

Con Cuông, 2025

MỤC LỤC

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT	II
DANH MỤC BẢNG	III
I. Giới thiệu	1
II. Mục tiêu, Nội dung và Phương pháp đánh giá	2
2.1. Mục tiêu	2
2.2. Nội dung đánh giá.....	3
2.3. Phương pháp đánh giá	6
III. Kết quả đánh giá	7
3.1. Nhận diện thành phần dân tộc/người bản địa	7
3.2. Tác động tích cực	8
3.3. Ảnh hưởng tiêu cực và dự báo nguy cơ tiềm ẩn.....	9
3.4. Các giải pháp giảm thiểu rủi ro trong sản xuất lâm nghiệp.....	13
IV. Kết luận và kiến nghị.....	14
4.1. Kết luận	14
4.2. Kiến nghị	15

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

Từ viết tắt	Diễn giải
CCR	Chứng chỉ rừng
FSC	Hội đồng quản lý rừng (Forest Stewardship Council)

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1 . Ảnh hưởng tiêu cực và thực trạng.....	11
Bảng 2 . Dự báo nguy cơ tiềm ẩn và giải pháp khắc phục.....	12
Bảng 3 . Các giải pháp giảm thiểu rủi ro trong sản xuất lâm nghiệp	14

I. Giới thiệu

Nhóm Chứng chỉ rừng (CCR) huyện Con Cuông là nhóm hộ thực hiện mô hình quản lý rừng bền vững của huyện Con Cuông theo tiêu chuẩn FSC, gắn liền việc nâng cao chuỗi giá trị rừng trồng với trách nhiệm môi trường và xã hội.

Quản lý rừng bền vững phải đảm bảo 3 mục tiêu Kinh tế; Môi trường và Xã hội, và tuân thủ quy trình, quy phạm, quy định của Nhà nước về quản lý rừng bền vững, bảo tồn đa dạng sinh học, cải thiện sinh kế cho người dân ở khu vực nông thôn và giảm tác động của biến đổi khí hậu.

Năm 2025 là năm bản lề, đánh dấu bước chuyển mình quan trọng của đất nước trên con đường phát triển kinh tế - xã hội. Đây là giai đoạn Việt Nam vừa hoàn tất kế hoạch 5 năm 2021–2025, vừa chuẩn bị cho chiến lược phát triển giai đoạn 2026–2035 với nhiều định hướng mới về công nghiệp hóa, hiện đại hóa, chuyển đổi số, phát triển kinh tế xanh và nâng cao chất lượng đời sống nhân dân. Bên cạnh những thành tựu kinh tế nổi bật, các yêu cầu về bảo đảm an sinh xã hội, công bằng, văn hóa – xã hội và phát triển cộng đồng ngày càng được đặt ra mạnh mẽ hơn.

Trong bối cảnh đó, việc thực hiện các dự án phát triển kinh tế, lâm nghiệp, công nghiệp hay hạ tầng không chỉ mang lại lợi ích kinh tế đơn thuần, mà còn có thể tạo ra nhiều tác động đa chiều đến con người và cộng đồng. Những tác động này bao gồm cơ hội việc làm mới, cải thiện hạ tầng, nâng cao thu nhập, nhưng đồng thời cũng có thể kéo theo những rủi ro như thay đổi sinh kế truyền thống, ảnh hưởng đến điều kiện làm việc, phân hóa giàu nghèo, áp lực lên hạ tầng xã hội hoặc làm nảy sinh xung đột lợi ích.

Báo cáo đánh giá tác động xã hội (SIA) được lập nhằm xác định, phân tích và dự báo những tác động đó một cách có hệ thống. Báo cáo không chỉ tập trung vào những ảnh hưởng trực tiếp đến cán bộ, công nhân viên và cộng đồng dân cư sống xung quanh khu vực dự án, mà còn xem xét đến các bên liên quan khác như chính quyền địa phương, doanh nghiệp đối tác, tổ chức xã hội, người dân phụ thuộc vào tài nguyên rừng hay dịch vụ hệ sinh thái. Trên cơ sở đó, báo cáo sẽ đề xuất các biện pháp quản lý và giải pháp giảm thiểu để hạn chế tối đa tác động tiêu cực, đồng thời phát huy các lợi ích tích cực mà dự án mang lại cho xã hội.

Đặc biệt, báo cáo SIA nhấn mạnh vai trò của sự tham gia và đồng thuận xã hội. Thông qua quá trình tham vấn cộng đồng, lắng nghe ý kiến người dân và các bên liên quan, chủ dự án có thể xây dựng kế hoạch triển khai phù hợp, minh bạch, hài hòa lợi ích và giảm thiểu rủi ro xung đột. Đây cũng chính là cơ sở quan trọng để dự án được thực hiện theo định hướng phát triển bền vững, gắn kết hài hòa giữa lợi ích kinh tế, xã hội và môi trường.

Nhóm Chứng chỉ rừng huyện Con Cuông đăng ký thực hiện chứng chỉ Quản lý rừng bền vững theo tiêu chuẩn FSC trên địa bàn các xã Con Cuông, xã Mậu Thạch, xã Cam Phục nhằm góp phần bảo vệ môi trường và cải thiện sinh kế cho người dân ở khu vực nông thôn, miền núi. Duy trì và tăng cường phúc lợi xã hội cho người làm rừng. Ưu tiên bảo đảm công việc ổn định và an toàn lao động cho những người tham gia. Qua đó, đẩy mạnh sự phát triển kinh tế xã hội tại các xã so với cùng kỳ phát triển năm 2024.

Hàng năm Nhóm Chứng chỉ rừng Huyện Con Cuông tiếp tục mở rộng diện tích, quy mô trên địa bàn các xã, thị trấn còn lại trên địa bàn huyện Con Cuông - có diện tích quy hoạch vùng nguyên liệu cho nhà máy sản xuất nguyên liệu của Công ty cổ phần năng lượng Xanh và nhu cầu thu mua tại địa phương.

II. Mục tiêu, Nội dung và Phương pháp đánh giá

2.1. Mục tiêu

Trong quá trình triển khai các hoạt động lâm nghiệp, chủ rừng cần tiến hành đánh giá toàn diện những tác động xã hội có thể phát sinh, đặc biệt là những tác động liên quan trực tiếp đến cán bộ, công nhân viên, cộng đồng dân cư tại khu vực dự án cũng như các bên liên quan khác.

Đối với **cán bộ, công nhân viên**, các tác động thường gặp bao gồm: nguy cơ mất an toàn lao động khi làm việc ngoài hiện trường (ngã cây, cưa xích, vận hành máy móc); ảnh hưởng đến sức khỏe do điều kiện làm việc khắc nghiệt, tiếp xúc với bụi, tiếng ồn hoặc hóa chất nông – lâm nghiệp. Những yếu tố này có thể làm giảm năng suất lao động, tăng chi phí y tế và tác động đến đời sống, thu nhập của người lao động.

Đối với **cộng đồng dân cư địa phương**, tác động có thể xuất hiện dưới nhiều dạng: ảnh hưởng bởi tiếng ồn, bụi, rung động từ quá trình khai thác, vận chuyển gỗ; nguy cơ ô nhiễm nguồn nước và đất nếu việc sử dụng phân bón, thuốc bảo vệ thực vật không được kiểm soát chặt chẽ; áp lực lên cơ sở hạ tầng giao thông do xe chở gỗ lưu thông; hoặc xung đột trong việc sử dụng đất, ranh giới rừng. Ngoài ra, trong trường hợp xảy ra

cháy rừng hoặc thiên tai, cộng đồng xung quanh có thể chịu rủi ro trực tiếp đến tài sản và sinh kế.

Đối với **các bên liên quan khác** (chính quyền địa phương, doanh nghiệp đối tác, tổ chức xã hội, người dân phụ thuộc vào rừng), tác động có thể thể hiện qua sự thay đổi sinh kế truyền thống, hạn chế quyền tiếp cận tài nguyên rừng, hoặc mất cân bằng trong phân bổ lợi ích. Bên cạnh đó, hoạt động lâm nghiệp nếu không quản lý tốt có thể gây ảnh hưởng đến đa dạng sinh học, cảnh quan thiên nhiên – vốn là nguồn lực phát triển du lịch, nghiên cứu và bảo tồn.

Trước những tác động này, chủ rừng cần áp dụng các **biện pháp giảm thiểu** đồng bộ, bao gồm:

- Tăng cường công tác **đào tạo, tập huấn an toàn lao động**, trang bị đầy đủ bảo hộ cho công nhân; tổ chức chăm sóc sức khỏe định kỳ và hỗ trợ y tế kịp thời.
- Thực hiện **tham vấn cộng đồng dân cư**, công khai kế hoạch sản xuất – khai thác, thiết lập kênh tiếp nhận và giải quyết kiến nghị.
- Kiểm soát chặt chẽ việc **sử dụng hóa chất, phân bón**, ưu tiên giải pháp thân thiện với môi trường; bố trí tuyến vận chuyển hợp lý để giảm ảnh hưởng đến khu dân cư.
- Thiết lập và thực hiện **phương án phòng cháy chữa cháy rừng**, có sự tham gia của chính quyền và người dân địa phương.
- Đảm bảo các nguyên tắc **quản lý rừng bền vững** (FSC hoặc tiêu chuẩn tương đương), hài hòa lợi ích giữa phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường – xã hội.
- Tổ chức **giám sát, đánh giá định kỳ** về các chỉ số tác động xã hội để kịp thời điều chỉnh hoạt động quản lý.

Việc xác định rõ ràng các tác động xã hội và chủ động đưa ra biện pháp giảm thiểu sẽ giúp giảm thiểu rủi ro, tạo niềm tin cho cán bộ, công nhân viên, củng cố sự đồng thuận của cộng đồng địa phương và tăng cường uy tín, trách nhiệm xã hội của chủ rừng. Đây cũng là điều kiện quan trọng để phát triển lâm nghiệp bền vững, đảm bảo công bằng xã hội và góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân trong khu vực.

2.2. Nội dung đánh giá

2.2.1 Nội dung đánh giá tác động xã hội

Tác động xã hội nội bộ cơ quan/đơn vị của chủ rừng

Nội bộ đơn vị chủ rừng trong khuôn khổ Nhóm chứng chỉ rừng (CCR) bao gồm nhiều cấp tổ chức: Ban đại diện Nhóm CCR huyện Con Cuông; Ban đại diện các phân nhóm tại xã Con Cuông, xã Mậu Thạch, xã Cam Phục; cùng toàn thể các thành viên tham gia. Đây là những chủ thể trực tiếp tham gia quá trình quản lý, vận hành và triển khai các hoạt động lâm nghiệp trong phạm vi chứng chỉ rừng.

Việc đánh giá tác động xã hội nội bộ tập trung vào các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của các Ban đại diện và các thành viên, cụ thể như:

- **Năng lực tổ chức, quản trị và điều hành:** sự phối hợp giữa Ban đại diện các cấp, sự phân công nhiệm vụ rõ ràng, khả năng điều hành các cuộc họp, lập kế hoạch và triển khai kế hoạch quản lý rừng.
- **Nguồn lực nhân sự và tài chính:** khả năng huy động nhân lực tại chỗ, sự tham gia tích cực của thành viên, tính minh bạch trong việc quản lý quỹ và phân bổ nguồn lực.
- **Khả năng tiếp cận thông tin và đào tạo, tập huấn:** mức độ tham gia các khóa đào tạo về quản lý rừng bền vững, an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy rừng; sự chia sẻ thông tin giữa các cấp.
- **Điều kiện lao động và an toàn nghề nghiệp:** đảm bảo cho cán bộ và thành viên được trang bị bảo hộ đầy đủ, có biện pháp phòng ngừa tai nạn lao động, giám sát việc tuân thủ quy trình kỹ thuật.
- **Tinh thần đoàn kết và sự đồng thuận nội bộ:** duy trì sự hợp tác, giảm thiểu xung đột lợi ích trong nhóm, khuyến khích sự gắn kết của các thành viên.

Đánh giá tác động xã hội nội bộ cho thấy những yếu tố trên có tác động trực tiếp đến sự vận hành của Nhóm CCR, ảnh hưởng đến tiến độ, chất lượng và tính bền vững của hoạt động quản lý rừng.

2.2.2 Tác động xã hội bên ngoài cơ quan/đơn vị có liên quan đến hoạt động lâm nghiệp

Bên cạnh các tác động nội bộ, quá trình thực hiện hoạt động lâm nghiệp còn tạo ra những ảnh hưởng đáng kể đến cộng đồng dân cư và các bên liên quan khác ngoài đơn vị chủ rừng.

Cộng đồng dân cư: chủ yếu là các hộ gia đình sinh sống trong hoặc gần khu vực rừng do chủ rừng quản lý. Các hộ dân này thường gắn bó chặt chẽ với tài nguyên rừng, sử dụng rừng cho sinh kế (lấy củi, thu hái lâm sản ngoài gỗ, chăn thả gia súc). Các tác động có thể bao gồm:

- Cơ hội việc làm và tăng thu nhập từ hoạt động trồng, chăm sóc, khai thác rừng.
- Cải thiện cơ sở hạ tầng, đường giao thông phục vụ sản xuất và dân sinh.
- Song song, có nguy cơ hạn chế quyền tiếp cận tài nguyên rừng, gia tăng xung đột đất đai, hoặc tác động đến các giá trị văn hóa – xã hội gắn với rừng.

Các bên liên quan khác: gồm chính quyền địa phương, tổ chức xã hội, doanh nghiệp chế biến lâm sản, đối tác mua gỗ, các tổ chức bảo tồn. Các bên này chịu ảnh hưởng bởi:

- Sự thay đổi trong chuỗi cung ứng nguyên liệu gỗ.
- Yêu cầu về tính hợp pháp và chứng chỉ rừng FSC/CoC/CW.

- Cơ hội hợp tác phát triển kinh tế gắn với bảo vệ môi trường.
- Đồng thời, cũng có thể đối mặt với mâu thuẫn lợi ích, nhất là khi quyền lợi giữa các nhóm không được chia sẻ công bằng.

Đánh giá tác động xã hội bên ngoài vì vậy tập trung vào mối quan hệ giữa chủ rừng và cộng đồng thôn bản, cũng như các bên liên quan khác trong việc phân bổ trách nhiệm, quyền lợi và nghĩa vụ gắn với tài nguyên rừng.

2.2.3 Nội dung đánh giá tác động xã hội

Tác động xã hội nội bộ cơ quan/đơn vị của chủ rừng

Nội bộ đơn vị chủ rừng trong khuôn khổ Nhóm chứng chỉ rừng (CCR) bao gồm nhiều cấp tổ chức: Ban đại diện Nhóm CCR huyện Con Công; Ban đại diện các phân nhóm tại xã Con Công, xã Mậu Thạch, xã Cam Phục; cùng toàn thể các thành viên tham gia. Đây là những chủ thể trực tiếp tham gia quá trình quản lý, vận hành và triển khai các hoạt động lâm nghiệp trong phạm vi chứng chỉ rừng.

Việc đánh giá tác động xã hội nội bộ tập trung vào các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của các Ban đại diện và các thành viên, cụ thể như:

- **Năng lực tổ chức, quản trị và điều hành:** sự phối hợp giữa Ban đại diện các cấp, sự phân công nhiệm vụ rõ ràng, khả năng điều hành các cuộc họp, lập kế hoạch và triển khai kế hoạch quản lý rừng.
- **Nguồn lực nhân sự và tài chính:** khả năng huy động nhân lực tại chỗ, sự tham gia tích cực của thành viên, tính minh bạch trong việc quản lý quỹ và phân bổ nguồn lực.
- **Khả năng tiếp cận thông tin và đào tạo, tập huấn:** mức độ tham gia các khóa đào tạo về quản lý rừng bền vững, an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy rừng; sự chia sẻ thông tin giữa các cấp.
- **Điều kiện lao động và an toàn nghề nghiệp:** đảm bảo cho cán bộ và thành viên được trang bị bảo hộ đầy đủ, có biện pháp phòng ngừa tai nạn lao động, giám sát việc tuân thủ quy trình kỹ thuật.
- **Tinh thần đoàn kết và sự đồng thuận nội bộ:** duy trì sự hợp tác, giảm thiểu xung đột lợi ích trong nhóm, khuyến khích sự gắn kết của các thành viên.

Đánh giá tác động xã hội nội bộ cho thấy những yếu tố trên có tác động trực tiếp đến sự vận hành của Nhóm CCR, ảnh hưởng đến tiến độ, chất lượng và tính bền vững của hoạt động quản lý rừng.

Tác động xã hội bên ngoài cơ quan/đơn vị có liên quan đến hoạt động lâm nghiệp

Bên cạnh các tác động nội bộ, quá trình thực hiện hoạt động lâm nghiệp còn tạo ra những ảnh hưởng đáng kể đến cộng đồng dân cư và các bên liên quan khác ngoài đơn vị chủ rừng.

Cộng đồng dân cư: chủ yếu là các hộ gia đình sinh sống trong hoặc gần khu vực rừng do chủ rừng quản lý. Các hộ dân này thường gắn bó chặt chẽ với tài nguyên rừng, sử dụng rừng cho sinh kế (lấy củi, thu hái lâm sản ngoài gỗ, chăn thả gia súc). Các tác động có thể bao gồm:

- Cơ hội việc làm và tăng thu nhập từ hoạt động trồng, chăm sóc, khai thác rừng.
- Cải thiện cơ sở hạ tầng, đường giao thông phục vụ sản xuất và dân sinh.
- Song song, có nguy cơ hạn chế quyền tiếp cận tài nguyên rừng, gia tăng xung đột đất đai, hoặc tác động đến các giá trị văn hóa – xã hội gắn với rừng.

Các bên liên quan khác: gồm chính quyền địa phương, tổ chức xã hội, doanh nghiệp chế biến lâm sản, đối tác mua gỗ, các tổ chức bảo tồn. Các bên này chịu ảnh hưởng bởi:

- Sự thay đổi trong chuỗi cung ứng nguyên liệu gỗ.
- Yêu cầu về tính hợp pháp và chứng chỉ rừng FSC/CoC/CW.
- Cơ hội hợp tác phát triển kinh tế gắn với bảo vệ môi trường.
- Đồng thời, cũng có thể đối mặt với mâu thuẫn lợi ích, nhất là khi quyền lợi giữa các nhóm không được chia sẻ công bằng.

Đánh giá tác động xã hội bên ngoài vì vậy tập trung vào mối quan hệ giữa chủ rừng và cộng đồng thôn bản, cũng như các bên liên quan khác trong việc phân bổ trách nhiệm, quyền lợi và nghĩa vụ gắn với tài nguyên rừng.

2.3. Phương pháp đánh giá

Để đảm bảo tính khách quan và toàn diện, báo cáo tác động xã hội sử dụng kết hợp nhiều phương pháp:

1. Phương pháp kế thừa tài liệu, nghiên cứu

- Thu thập, phân tích và kế thừa kết quả từ các báo cáo nghiên cứu trước đây, các kế hoạch quản lý rừng, báo cáo giám sát xã hội – môi trường, cũng như số liệu thống kê của địa phương.
- Đối chiếu, so sánh để nhận diện xu hướng tác động xã hội trong quá khứ và hiện tại.

2. Phương pháp phỏng vấn hộ gia đình và chủ rừng

- Thiết kế và sử dụng phiếu phỏng vấn (theo Phụ lục 1) để thu thập thông tin về điều kiện kinh tế, xã hội, tình hình lao động, thu nhập, sinh kế, và mức độ tham gia của người dân vào hoạt động lâm nghiệp.
- Các cuộc phỏng vấn bán cấu trúc được thực hiện trực tiếp với hộ gia đình và chủ rừng nhằm thu nhận ý kiến đa chiều, đánh giá cả tác động tích cực và tiêu cực.

3. Phương pháp quan sát thực tế

- Tổ chức các chuyến đi thực địa tại khu vực dự án và cộng đồng liên quan để quan sát trực tiếp điều kiện sinh sống, cơ sở hạ tầng, hoạt động trồng, chăm sóc, khai thác rừng.
- Ghi nhận các hiện tượng xã hội (ví dụ: mức độ tham gia của người dân, tác động đến sinh kế, xung đột lợi ích, di cư lao động).

4. Phương pháp tham vấn cộng đồng và bên liên quan

- Tổ chức các buổi thảo luận nhóm tập trung (FGD) với đại diện cộng đồng, chính quyền địa phương, doanh nghiệp và tổ chức xã hội để thu thập ý kiến phản hồi.
- Ghi nhận sự đồng thuận, những lo ngại và đề xuất từ phía cộng đồng để đưa vào quá trình lập báo cáo.

Sự kết hợp các phương pháp trên giúp báo cáo không chỉ phản ánh thực trạng khách quan mà còn đảm bảo tính minh bạch, sự tham gia và đồng thuận của các bên liên quan, từ đó đề xuất các giải pháp quản lý tác động xã hội khả thi và bền vững.

III. Kết quả đánh giá

3.1. Nhận diện thành phần dân tộc/người bản địa

Các hộ dân là chủ rừng hoặc đang trực tiếp sản xuất lâm nghiệp trên diện tích rừng tại các xã Con Cuông, Mậu Thạch, Cam Phục phần lớn là đồng bào dân tộc Thái, chiếm tỷ lệ khoảng 75% tổng số hộ tham gia Nhóm chứng chỉ rừng (CCR). Thành phần dân tộc của thành viên nhóm CCR ở ba xã được thể hiện như sau: tại xã Con Cuông, người Thái và người Kinh chiếm tỷ lệ tương đương (50% – 50%); tại xã Mậu Thạch, tỷ lệ là 70% Thái và 30% Kinh; trong khi tại xã Cam Phục, người Thái chiếm áp đảo 85%, người Kinh 15%. Như vậy, sự tham gia của đồng bào Thái có tính chất chi phối trong các hoạt động lâm nghiệp tại địa bàn.

Theo khảo sát và thảo luận tại các cuộc họp nhóm, hiện tại không tồn tại các khu rừng tín ngưỡng, rừng ma hay rừng thiêng trong diện tích do Nhóm CCR quản lý. Điều này cho thấy, hoạt động sản xuất và kinh doanh rừng không gây xung đột trực tiếp với các yếu tố tâm linh, tín ngưỡng của cộng đồng địa phương. Tuy nhiên, đồng bào người Thái vẫn duy trì và bảo tồn một số phong tục tập quán, nghi lễ văn hóa truyền thống đặc trưng có ảnh hưởng sâu sắc đến đời sống xã hội và tinh thần của cộng đồng.

Cụ thể, lễ **cúng cơm mới** sau mỗi vụ mùa là một phong tục quan trọng, thể hiện lòng biết ơn đối với tổ tiên và đất trời, đồng thời gắn kết các thành viên trong gia đình. Nghi thức “*Sung khoăn*” trong lễ này – dùng cơm mới chাম lên trán các thành viên – mang ý nghĩa cầu chúc sức khỏe, may mắn cho cả nhà. Ngoài ra, người Thái còn duy trì tục **giữ lửa đêm 30 Tết**, coi ngọn lửa bếp là biểu tượng của sự ấm no, gắn kết giữa con người với tổ tiên; tục **làm vía** trong những sự kiện trọng đại nhằm mời hồn vía

trở về, cầu sức khỏe, bình an; tục **rước dâu vào nửa đêm** trong lễ cưới với quan niệm tránh ma quỷ quấy nhiễu, mang lại may mắn cho đôi vợ chồng trẻ.

Đặc biệt, kiến trúc **nhà sàn truyền thống** vẫn được người Thái duy trì, không chỉ là nơi sinh sống mà còn là không gian văn hóa, nơi tổ chức các nghi lễ, sinh hoạt cộng đồng. Ẩm thực của người Thái cũng phản ánh triết lý nhân sinh sâu sắc: món ăn được chế biến từ gạo nếp, gà, rau rừng, cá suối vừa thể hiện sự gắn bó với tự nhiên, vừa chứa đựng tính cộng đồng khi luôn được chia sẻ trong dịp lễ, tết, hội làng. Các **lễ hội truyền thống** như lễ hội bươn xào (tết mừng 5 tháng 5 âm lịch), hội làm vía, các điệu dân ca, dân vũ, trò chơi dân gian cũng được cộng đồng duy trì, góp phần tạo nên bản sắc riêng biệt.

Mặc dù có nhiều giá trị đặc sắc, nhưng một số phong tục tập quán đang đứng trước nguy cơ mai một do tác động của đô thị hóa, sự giao thoa văn hóa, di cư lao động, và sự thay đổi sinh kế từ nông nghiệp truyền thống sang lâm nghiệp hàng hóa. Một số nghi lễ được giản lược, tiếng Thái và chữ Thái cổ ít được giới trẻ sử dụng. Đây là thách thức đối với công tác bảo tồn văn hóa bản địa trong bối cảnh phát triển kinh tế – xã hội hiện nay.

Từ những phân tích trên có thể nhận định rằng, các hoạt động lâm nghiệp của Nhóm CCR tại các xã Con Cuông, Mậu Thạch, Cam Phục **không ảnh hưởng trực tiếp đến các giá trị văn hóa – tín ngưỡng đặc thù** của đồng bào Thái. Tuy nhiên, để đảm bảo phát triển rừng bền vững gắn liền với bảo tồn văn hóa, cần có giải pháp tăng cường tham vấn cộng đồng dân tộc thiểu số, phân bổ công bằng lợi ích giữa người Thái và người Kinh, đồng thời lồng ghép nội dung bảo tồn bản sắc văn hóa vào các chương trình quản lý rừng và đào tạo thành viên CCR.

3.2. Tác động tích cực

Hoạt động kinh doanh rừng sản xuất trên địa bàn huyện Con Cuông và các xã lân cận đã mang lại nhiều đóng góp tích cực về kinh tế – xã hội. Trước hết, rừng trồng đã trở thành nguồn sinh kế chính cho nhiều hộ gia đình, đặc biệt là các hộ đồng bào dân tộc Thái, với diện tích keo lai và bạch đàn ngày càng mở rộng. Theo thống kê của huyện Con Cuông, diện tích rừng trồng sản xuất của người dân và các tổ nhóm đạt hàng nghìn hecta, mỗi năm cung cấp hàng chục nghìn mét khối gỗ nguyên liệu cho thị trường. Hoạt động này không chỉ giúp **gia tăng thu nhập và nâng cao hiệu quả kinh tế cho các chủ rừng**, mà còn tạo ra nhiều việc làm thời vụ và thường xuyên cho lao động tại địa phương cũng như các xã lân cận. Kết quả phỏng vấn đại diện các nhóm CCR cho thấy, trung bình mỗi hecta rừng trồng đến kỳ khai thác có thể tạo ra việc làm cho 20–25 lao động/ngày công, góp phần quan trọng vào công cuộc **xóa đói giảm nghèo và ổn định đời sống cho cộng đồng dân cư**.

Bên cạnh đóng góp trực tiếp về kinh tế, hoạt động sản xuất rừng trồng bền vững cũng khuyến khích **tổ chức quản lý chất lượng lao động theo đúng quy định pháp luật Việt**

Nam và các công ước ILO mà Việt Nam đã tham gia. Các cá nhân, tổ nhóm tham gia sản xuất lâm nghiệp được tập huấn thường xuyên về an toàn lao động, kỹ năng vận hành thiết bị, phương pháp khai thác hợp lý, đồng thời được trang bị đầy đủ phương tiện bảo hộ, sơ cấp cứu, và các dụng cụ hỗ trợ cần thiết nhằm đảm bảo sức khỏe, giảm thiểu rủi ro tai nạn nghề nghiệp.

Ngoài ra, thông qua cơ chế Nhóm CCR, **năng lực của cán bộ địa phương cũng từng bước được nâng cao.** Ban đại diện nhóm CCR huyện Con Cuông cùng với Ban đại diện xã Bồng Khê, Chi Khê, Thạch Ngàn, Mậu Đức, Đôn Phục thường xuyên được tham gia các khóa tập huấn về quản lý rừng bền vững (RBV) theo tiêu chuẩn FSC. Các hoạt động rà soát điều kiện ban đầu, giám sát hiện trường và cập nhật tiêu chuẩn quốc tế đã giúp cán bộ xã, thôn, bản hiểu rõ hơn về nguyên tắc bảo tồn đa dạng sinh học, đảm bảo quyền lợi của người lao động, và chia sẻ lợi ích công bằng giữa các nhóm đối tượng.

Song song với tập huấn, Ban đại diện nhóm CCR cũng xây dựng **kế hoạch truyền thông và chiến lược nâng cao nhận thức cộng đồng.** Nội dung tập huấn được thiết kế phù hợp với đặc điểm của đồng bào dân tộc Thái và Kinh, tập trung vào việc thay đổi tập quán canh tác truyền thống sang hướng bền vững hơn, như hạn chế đốt nương rẫy, sử dụng giống cây trồng chất lượng cao, áp dụng kỹ thuật lâm sinh tiên tiến, bảo vệ đất và nguồn nước. Những hoạt động này không chỉ nâng cao thu nhập mà còn giúp cộng đồng nhận thức rõ hơn về lợi ích lâu dài của việc quản lý rừng bền vững.

Đặc biệt, hệ thống quản lý rừng bền vững theo tiêu chuẩn FSC® tại huyện Con Cuông được xây dựng dựa trên sự **tham gia và đồng thuận của nhiều bên liên quan:** chính quyền địa phương, cộng đồng dân cư, doanh nghiệp chế biến gỗ, và các tổ nhóm sản xuất lâm nghiệp. Sự phối hợp này góp phần quan trọng trong việc **tăng cường hiệu quả quản lý, giám sát và vận hành Nhóm CCR,** đồng thời tạo dựng lòng tin, tính minh bạch và trách nhiệm giải trình với cộng đồng.

Tóm lại, có thể khẳng định rằng hoạt động quản lý và kinh doanh rừng tại Con Cuông **không chỉ mang lại giá trị kinh tế trực tiếp** thông qua việc tăng thu nhập và tạo việc làm, mà còn **tạo ra những tác động xã hội tích cực lâu dài,** như nâng cao năng lực cán bộ, thay đổi nhận thức cộng đồng, và góp phần bảo đảm công bằng xã hội, hướng tới mục tiêu phát triển bền vững.

3.3. Ảnh hưởng tiêu cực và dự báo nguy cơ tiềm ẩn

Bên cạnh những đóng góp tích cực về mặt kinh tế – xã hội, hoạt động trồng rừng sản xuất tại huyện Con Cuông và các xã lân cận vẫn còn tồn tại nhiều hạn chế và tiềm ẩn một số tác động tiêu cực nếu không có giải pháp quản lý phù hợp. Cụ thể:

1. Xử lý thực bì bằng lửa không kiểm soát

Một số hộ gia đình vẫn duy trì thói quen đốt thực bì trước khi trồng rừng. Việc sử dụng lửa thiếu kiểm soát tiềm ẩn nguy cơ cháy lan sang diện tích rừng trồng khác

hoặc rừng tự nhiên, gây thiệt hại lớn về kinh tế, môi trường và đa dạng sinh học. Đây là vấn đề càng trở nên nghiêm trọng trong bối cảnh thời tiết mùa khô kéo dài và ảnh hưởng của mưa lớn sau bão, khi thực bì ẩm và dễ bắt cháy.

2. **Thiên tai, lũ lụt và các rủi ro khí hậu – thực trạng năm 2025**

Năm 2025, Con Cuông chịu ảnh hưởng nặng nề từ thiên tai:

- Thủy điện Bản Vẽ đã thực hiện việc xả lũ điều tiết, giảm áp lực lưu lượng nước về hạ du. Ví dụ, tính đến 9h ngày 23/8, lưu lượng xả qua tràn và tổ máy là khoảng 405 m³/s khi có chỉ đạo từ tỉnh để bảo vệ hạ du.
- Bão số 5 (Kajiki) đổ bộ vào khu vực Nghệ An – Hà Tĩnh cuối tháng 8 với gió mạnh cấp 12-13, giạt cấp 15-16 và lượng mưa lớn. Con bão gây thiệt hại lớn: toàn tỉnh Nghệ An ước tính thiệt hại khoảng **1.393 tỷ đồng**; hơn **6.988 ha rừng** bị tàn phá.
- Tại xã Con Cuông, nhiều bản làng bị ngập do ảnh hưởng của bão và mưa lớn (xã Con Cuông có hộ dân tiếp tục bị ngập, tài sản, vật nuôi bị thiệt hại).

Những sự kiện này đã làm gãy đổ cây rừng, bật gốc rừng trồng, đặc biệt rừng non, làm chậm quá trình sinh trưởng, gây thiệt hại kinh tế cho hộ trồng rừng do phải bỏ công chăm sóc lại hoặc trồng lại.

3. **Thị trường tiêu thụ chưa ổn định**

Giá cả gỗ nguyên liệu vẫn biến động mạnh, phụ thuộc vào nhu cầu thị trường bên ngoài và chi phí vận chuyển sau thiên tai tăng lên (do đường hư hại, cầu tràn bị ảnh hưởng). Việc thiên tai gây ra gián đoạn trong vận chuyển làm thị trường tiêu thụ càng bấp bênh.

4. **Nguồn cây giống chưa đảm bảo chất lượng**

Cây giống đạt chuẩn FSC vẫn chưa phổ biến. Nhiều hộ sử dụng giống địa phương không đảm bảo chất lượng, đặc biệt khi trận lũ hoặc mưa lớn gây xói mòn đất, cây non có khả năng bị chết, sinh trưởng kém.

5. **Thiếu hụt tài chính do chu kỳ kinh doanh dài & tăng chi phí khắc phục sau thiên tai**

Bên cạnh chi phí thông thường (trồng, chăm sóc, bảo vệ), năm nay hộ dân phải chịu thêm chi phí sửa chữa, trồng lại cây sau bão lũ, hỗ trợ hộ dân bị ngập, thiệt hại về hạ tầng giao thông và đường vận chuyển gỗ. Điều này làm áp lực tài chính tăng mạnh, đặc biệt với hộ nghèo/cận nghèo.

6. **An toàn lao động trong sản xuất chưa được quan tâm đúng mức**

Khi thiên tai xảy ra, việc di chuyển vận tải gỗ, làm việc ngoài trời trong điều kiện mưa lớn/gió giạt làm tăng nguy cơ tai nạn lao động. Các hộ/dân lao động thiếu thiết bị bảo hộ, thiếu đào tạo về ứng phó với điều kiện bất thường do thiên tai.

7. **Tác động đến hạ tầng giao thông nông thôn và đường lâm sinh**

Hoạt động khai thác gỗ, kết hợp với mưa bão và lũ lụt đã làm một số tuyến đường bị hư hỏng, cầu tràn bị ngập hoặc bị phá hủy tạm thời. Việc này ảnh hưởng đến khả năng vận chuyển gỗ, vật tư sản xuất và tiếp cận thị trường, bất tiện cho sinh hoạt của người dân.

Bảng 1. Ảnh hưởng tiêu cực và thực trạng

TT	Nội dung/ Hoạt động	Ảnh hưởng	Thực trạng
1	Đốt thực bì trước khi trồng rừng và sau khi khai thác.	Nguy cơ cháy lan vào rừng chưa khai thác ở các lô lân cận; gây thiệt hại lớn về kinh tế; tổn kém nhân lực, chi phí khi tham gia chữa cháy; người trực tiếp tham gia chữa cháy có nguy cơ bỏng, ngạt khói và tai nạn khác.	Đến năm 2025, hoạt động đốt thực bì vẫn diễn ra phổ biến tại nhiều xã do mang lại lợi ích về kinh tế (ít tốn công, nhanh, dễ thực hiện). Tuy nhiên, chính quyền địa phương và các nhóm quản lý rừng đã tăng cường tuyên truyền, kiểm soát để hạn chế nguy cơ cháy lan..
2	Sử dụng hóa chất diệt cỏ.	Ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe người sử dụng (ngộ độc, bệnh hô hấp do hít phải); ô nhiễm nguồn nước mặt và nước ngầm do dư lượng thuốc chưa phân hủy.	Từ năm 2020 đến nay, người dân hầu như không còn sử dụng thuốc diệt cỏ. Thay vào đó, họ áp dụng biện pháp phát quang thủ công hoặc che phủ thực bì để giảm cỏ dại.
3	Thiên tai như gió bão hoặc nắng nóng.	Rừng trồng thuần loài, đồng tuổi dễ bị thiệt hại nặng khi gặp cháy rừng, gió bão; gây mất mát lớn về kinh tế.	Năm 2025, khu vực miền Trung tiếp tục đối mặt thời tiết cực đoan: nắng nóng kéo dài mùa khô, bão lớn mùa mưa. Một số diện tích keo bị gãy đổ, ảnh hưởng thu nhập của hộ trồng rừng.
4	Đầu ra không ổn định.	Giá rừng phụ thuộc thương lái, người dân thường bị ép giá khi nguồn cung dồi dào hoặc sau thiên tai (bão, gãy đổ).	Đầu ra năm 2025 vẫn chưa ổn định. Một số hộ tham gia chuỗi cung ứng FSC hoặc ký hợp đồng bao tiêu với nhà máy nhưng tỷ lệ còn thấp, phần lớn vẫn bán qua thương lái.
5	Nguồn gốc cây giống chưa đảm bảo.	Cây giống không rõ xuất xứ dẫn đến năng suất và chất lượng rừng trồng biến động, dễ bị sâu bệnh.	Đến 2025, nhiều hộ đã bắt đầu mua giống tại các cơ sở có chứng nhận, nhưng vẫn còn một số hộ mua cây con từ vườn ươm nhỏ lẻ, chưa kiểm soát chất lượng tốt.
6	Trang phục bảo hộ và an toàn	Dễ xảy ra tai nạn trong các khâu sản xuất (làm đất, trồng, khai	Người dân vẫn chủ quan, ít sử dụng bảo hộ lao động do giá

	lao động.	thác, sử dụng hóa chất).	thành cao, thói quen lao động thủ công và tâm lý “có kinh nghiệm nên an toàn”.
7	Hư hỏng đường dân sinh (cộng đồng).	Vào mùa mưa nước đọng che khuất các hố sâu có thể gây nguy hiểm cho người và phương tiện tham gia giao thông của người dân địa phương và khu vực lân cận	Năm 2025, một số tuyến đường dân sinh vẫn xuống cấp, mặt đường bong tróc, nhiều “ổ gà”. Chính quyền xã đã có kế hoạch tu sửa nhưng nguồn lực hạn chế.
8	Sạt lở đường lâm sinh.	Đường lâm sinh hư hỏng gây khó khăn cho quá trình vận chuyển cây con trồng rừng hoặc gỗ khi khai thác. Gặp sự cố cháy rừng các phương tiện tham gia chữa cháy khó di chuyển để tiếp cận sát đám cháy.	Địa hình dốc nên các tuyến đường lâm sinh thường xuyên bị sạt lở, xói mòn vào mùa mưa và lầy lội mùa khô. Năm 2025, tình trạng này vẫn phổ biến, ảnh hưởng đến sản xuất và phòng cháy chữa cháy rừng.

Bảng 2. Dự báo nguy cơ tiềm ẩn và giải pháp khắc phục

TT	Nội dung dự báo	Nguy cơ xảy ra	Giải pháp khắc phục
1	Cháy rừng do đốt thực bì.	Cao	<ul style="list-style-type: none"> - Tăng cường tuyên truyền để giảm dần thói quen dùng lửa xử lý thực bì. - Khuyến khích áp dụng cơ giới hóa, băm nhỏ và để thực bì phân hủy tự nhiên. - Không đốt khi cấp dự báo cháy rừng ở mức 4-5. - Nếu phải đốt thì phải làm ranh cản lửa, có lực lượng giám sát và tuân thủ đúng kỹ thuật.
2	Thiên tai như gió bão, nắng nóng kéo dài.	TB	<ul style="list-style-type: none"> - Trồng keo xen cây bản địa nhằm tạo đai chắn gió, hạn chế cháy lan. - Bố trí thời vụ khác nhau để tránh rừng đồng tuổi. - Chủ động kế hoạch phòng chống thiên tai tại thôn/xã gắn với diện tích rừng trồng.
3	Đầu ra không ổn định.	TB	<ul style="list-style-type: none"> - Kết nối với doanh nghiệp, nhà máy để ký hợp đồng bao tiêu. - Ưu tiên đơn vị thu mua tại chỗ để giảm chi phí. - Minh bạch thông tin giá gỗ cho các thành viên nhóm.

			- Có cơ chế bảo vệ giá khi rừng bị thiệt hại do thiên tai.
4	Trang phục bảo hộ và an toàn lao động.	TB	<p>Trang bị đồ bảo hộ cơ bản khi khai thác, vận chuyển.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tập huấn sử dụng máy móc, phương tiện lâm nghiệp. - Chuẩn bị túi sơ cứu tại hiện trường, hướng dẫn kỹ năng xử lý tai nạn thường gặp.
5	Hư hỏng đường dân sinh.	TB	<p>Giám sát tải trọng của các xe vận chuyển gỗ.</p> <p>Đề xuất đóng góp quỹ cho địa phương để duy tu bảo dưỡng định kỳ đường dân sinh.</p> <p>Nếu quá trình vận chuyển gỗ gây hư hỏng trực tiếp cần có biện pháp yêu cầu khắc phục.</p>
6	Sạt lở đường lâm sinh.	TB	<ul style="list-style-type: none"> - Ưu tiên cải tạo, sử dụng đường hiện có thay vì mở mới. - Hạn chế mở đường vào mùa mưa. - Thực hiện các biện pháp thoát nước, gia cố chống xói mòn.
7	Sử dụng hóa chất diệt cỏ	Thấp	<ul style="list-style-type: none"> - Tuyên truyền tác hại, vận động không sử dụng hóa chất. - Niêm yết danh mục hóa chất cấm tại nhà văn hóa thôn. - Khuyến khích phát dọn thủ công hoặc che phủ thực bì.
8	Nguồn giống chưa đảm bảo.	Thấp	<p>Lựa chọn giống từ cơ sở được công nhận chất lượng.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng vườn ươm chuẩn ngay tại địa phương. - Tăng cường kiểm tra việc kinh doanh giống cây trồng lâm nghiệp..

Các giải pháp giảm thiểu rủi ro trong sản xuất lâm nghiệp

Thông qua các buổi thảo luận nhóm, chúng tôi nhận thấy trong hoạt động sản xuất lâm nghiệp luôn tồn tại nhiều nguy cơ ảnh hưởng đến an toàn của người lao động. Các mối nguy này tập trung chủ yếu ở các khâu: trồng rừng (xử lý thực bì, đào hố, trồng cây), chăm sóc – bảo vệ rừng, khai thác, vận xuất và vận chuyển gỗ.

Nguyên nhân chính dẫn đến rủi ro cao là do người lao động chưa được trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ phù hợp, cùng với đó là tâm lý chủ quan, ỷ lại vào kinh nghiệm cá nhân.

Dựa trên việc nhận diện và dự báo các rủi ro tiềm ẩn có thể gây ra tai nạn trong quá trình sản xuất, chúng tôi kiến nghị triển khai một số giải pháp thiết thực nhằm giảm thiểu thương tích và nâng cao an toàn lao động cho người dân tham gia trồng, chăm sóc và khai thác rừng.

Bảng 3. Các giải pháp giảm thiểu rủi ro trong sản xuất lâm nghiệp

TT	Nhóm hoạt động	Mối nguy cơ tiềm ẩn	Hậu quả có thể xảy ra
1	Xử lý thực bì	Cháy rừng do đốt thực bì không kiểm soát; bỏng, ngạt khói	Thiệt hại rừng, ảnh hưởng sức khỏe, tính mạng người lao động
2	Đào hố, trồng cây	Trượt ngã trên địa hình dốc; chấn thương do dụng cụ lao động	Gãy xương, bong gân, xây xát cơ thể
3	Chăm sóc rừng	Dùng dao phát, cưa tay dễ gây tai nạn; côn trùng, rắn cắn	Thương tích, nhiễm trùng, ảnh hưởng sức khỏe lâu dài
4	Bảo vệ rừng, tuần tra	Nguy cơ cháy rừng, sạt lở đất, té ngã khi đi tuần trên địa hình hiểm trở	Tổn thương cơ thể, tai nạn nghiêm trọng
5	Khai thác gỗ	Tai nạn do cưa máy, cây đổ bất ngờ, đất đá sạt lở	Tử vong hoặc thương tích nặng
6	Vận xuất gỗ	Phương tiện lật, lấn, đứt cáp kéo gỗ	Tai nạn lao động nghiêm trọng
7	Vận chuyển gỗ bằng xe	Tai nạn giao thông do đường dốc, trơn trượt, xe quá tải	Thiệt hại người và tài sản
8	Sử dụng hóa chất BVTN	Ngộ độc do hít, tiếp xúc qua da	Ảnh hưởng hô hấp, bệnh mãn tính
9	Điều kiện thời tiết cực đoan	Nắng nóng kéo dài, giông bão bất ngờ	Mất nước, say nắng, tai nạn trong bão gió

IV. Kết luận và kiến nghị

4.1. Kết luận

Qua quá trình khảo sát và thảo luận nhóm, có thể tổng hợp **4 điểm tích cực** mà hoạt động lâm nghiệp mang lại cho cộng đồng địa phương:

1. Không phát sinh xung đột giữa các bên liên quan trong quá trình trồng rừng.
2. Nhận thức của người dân thay đổi theo chiều hướng tích cực trong hoạt động sản xuất lâm nghiệp.
3. Tạo việc làm và nguồn thu nhập ổn định cho người dân khi tham gia các hoạt động trồng, chăm sóc, khai thác rừng.
4. Tham gia Nhóm chứng chỉ rừng mang lại lợi ích kinh tế thiết thực.

Kết quả phỏng vấn và khảo sát thực địa cho thấy diện tích rừng của Nhóm CCR huyện Con Cuông **không có địa điểm có ý nghĩa đặc biệt** về văn hoá, sinh thái, tín ngưỡng hoặc tâm linh đối với cộng đồng địa phương. Đồng thời, các hoạt động quản lý, bảo vệ rừng đều được thực hiện thông qua sự đồng thuận giữa chủ rừng và cộng đồng.

Trong tổng số **1.346 hộ** tham gia Nhóm CCR huyện Con Cuông, có **679 hộ (50,45%)** với **1.106 lô (43,98%)** chưa có **Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất**. Tuy nhiên, diện tích này đã được chính quyền địa phương xác nhận là đất canh tác ổn định, không tranh chấp. Tình trạng pháp lý sẽ tiếp tục được cập nhật khi các hộ được cấp Giấy chứng nhận.

Do nhà máy chưa chính thức đi vào hoạt động, Công ty Cổ phần Năng lượng Xanh Ka-Grimex hiện đang duy trì chứng chỉ nên vẫn giữ nguyên các hộ thành viên.

Bên cạnh những điểm tích cực, báo cáo cũng chỉ ra **9 tồn tại và hạn chế**, đồng thời đã đề xuất giải pháp cụ thể nhằm khắc phục và giảm thiểu tác động tiêu cực.

4.2. Kiến nghị

Để nâng cao hiệu quả xã hội và tăng tính khả thi trong triển khai các giải pháp, cần chú ý:

- Tuyên truyền rộng rãi về lợi ích của việc tham gia Nhóm CCR theo tiêu chuẩn FSC, giúp người dân chưa tham gia hiểu rõ giá trị về kinh tế, môi trường và xã hội.
- Tăng cường sự tham gia của chính quyền địa phương và các bên liên quan trong công tác tuyên truyền, hỗ trợ mở rộng diện tích rừng được cấp chứng chỉ FSC, góp phần phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ môi trường.
- Ban hành chế tài xử lý đối với hộ dân vi phạm nguyên tắc FSC (xả thải bừa bãi, thiếu trang bị bảo hộ lao động, đốt rừng không kiểm soát...).
- Với phần diện tích rừng tham gia FSC mở rộng hằng năm, cần thực hiện đánh giá bổ sung về tác động môi trường và xã hội để phát huy điểm tích cực, hạn chế tác động tiêu cực.
- Thường xuyên tổ chức tập huấn, nâng cao kiến thức an toàn lao động cho người lao động, đồng thời yêu cầu tuân thủ nghiêm các quy trình sản xuất và hướng dẫn khi sử dụng máy móc, thiết bị.
- Nhà máy Ka-Grimex hiện đang trong quá trình chạy thử, chưa chính thức đi vào vận hành thương mại. Ban quản lý nhóm sẽ tiếp tục rà soát, khi nhà máy đi vào hoạt động chính thức sẽ bổ sung hộ dân mới tham gia, đồng thời lập kế hoạch mở rộng diện tích FSC phù hợp với nhu cầu nguyên liệu.

Nghệ An, ngày 01 tháng 09 năm 2025

BAN ĐẠI DIỆN NHÓM CCR HUYỆN CON CUÔNG

TRẦN ĐÌNH CHUNG**PHỤ LỤC****Phụ lục 1: Bảng câu hỏi phỏng vấn cán bộ xã**

Tên xã: Tỉnh:

Họ và tên người được phỏng vấn:.....

Chức vụ:.....

A. THÔNG TIN CHUNG

Tổng số hộ trong xã:..... Tổng số nhân khẩu

Thu nhập bình quân đầu người (triệu đồng/người/năm).....

Cơ cấu thu nhập (%): NLN:.....%. CN-TTCN:.....% TM-DV.....%

Tổng diện tích tự nhiên của xã:.....

Tổng diện tích đất lâm nghiệp tại xã?.....

Diện tích các loại rừng: RĐD: RPH:.....RSX:.....

Tổng diện tích rừng trồng? Tổng diện tích rừng tự nhiên?.....

Tổng diện tích rừng Keo.....Diện tích cây bản địa

Diện tích rừng đã giao:.....Diện tích chưa giao

Số hộ được nhận rừng:.....Số hộ có sổ đỏ:

Có diện tích rừng trồng nào trong xã chuyển đổi từ rừng tự nhiên nghèo không?.....

Diện tích chuyển đổi? Năm chuyển đổi

Diện tích rừng tự nhiên trong xã tăng hay giảm so với trước đây?

Tăng/giảm bao nhiêu?..... Nguyên nhân?

B. CÁC THÔNG TIN VỀ ĐA DẠNG SINH HỌC

1. Khu vực có xuất hiện loài di cư nào không?

2. Khu vực có vùng đầu nguồn xung yếu không?

3. Có bao nhiêu người phụ thuộc vào khu vực này?

4. Người dân trong xã có hay vào rừng thu hái lâm sản ngoài gỗ không?

5. Liệt kê các loài động thực vật **có gặp** trong và gần các khu rừng trồng Keo:

Các loài động thực vật quý hiếm:

Các loài động vật:

Các loài cây trồng và cây bản địa

Các loài Lâm sản ngoài gỗ:.....

Các loài thủy sản thường gặp.....

6. Khu vực xã có cộng đồng dân tộc thiểu số sinh sống không?



7. Người dân trong xã có phụ thuộc vào các nguồn nước tự nhiên không?
Tỷ lệ phụ thuộc là bao nhiêu %?.....

8. Khu vực xã có đền thờ/miếu mạo/nghĩa địa/di tích không?
Các khu vực này có giá trị nhận diện văn hóa không?

C. THÔNG TIN LIÊN QUAN KINH TẾ - XÃ HỘI

Các thủ tục người dân phải làm khi trồng rừng:

Các thủ tục người dân phải làm khi khai thác rừng:.....

Các loại thuế/phí/đóng góp khi trồng hoặc khi khai thác:

Công tác quản lý các đường dân sinh/Lâm sinh như thế nào

Các loại tai nạn thường gặp trong sản xuất Lâm nghiệp

Các tổ chức/dự án/chương trình hỗ trợ Lâm nghiệp trên xã.....

Các đội nhóm/HTX tham gia vào sản xuất Lâm nghiệp

-----*XIN CẢM ƠN ÔNG/BÀ ĐÃ HỢP TÁC*-----

Phụ lục 2: Bảng hỏi thu thập thông tin từ hộ gia đình**Nội dung: Đánh giá tác động xã hội - SIA**

Thời gian: Ngày ... tháng ... năm

I. THÔNG TIN HỘ GIA ĐÌNH**Câu 1. Họ và tên:.....Loại hộ:.....****Tên nhóm:.....****Câu 2. Địa chỉ:.....****Câu 3. Điện thoại:****Câu 4. Độ tuổi.....**

a) Dưới 40 tuổi

b) Từ 41 đến 50 tuổi

c) Từ 51 đến 60 tuổi

d) Trên 60 tuổi

Câu 5. Dân tộc

a) Kinh

b) Dân tộc thiểu số (ghi cụ thể):.....

Câu 7. Nghề nghiệp chính hiện nay

.....

II. NỘI DUNG PHÒNG VẤN**Câu 1. Diện tích tham gia chứng chỉ bao nhiêu? Có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không?**

1. Có, bao nhiêu ha?.....

2. Không, bao nhiêu ha?

Câu 2. Ông/bà trồng cây gì trên diện tích rừng của gia đình?

1. Keo

2. Cây bản địa

3. Khác, loài gì?

Câu 3. Chu kỳ trồng rừng (kinh doanh rừng) của gia đình là mấy năm?

.....

Câu 4. Mật độ trồng rừng của ông/bà bao nhiêu?

.....

Câu 5. Ông/bà có xây dựng kế hoạch quản lý, khai thác rừng bền vững không?

.....

Câu 6. Các hội viên có ký cam kết thời gian khai thác không?

1. Có, bao nhiêu năm?

.....

2. Không

Câu 7. Thu nhập từ trồng rừng

Sản phẩm	Rừng chưa có chứng chỉ		Rừng có chứng chỉ	
	Gỗ dăm (Triệu đồng)	Gỗ xẻ (Triệu đồng)	Gỗ dăm (Triệu đồng)	Gỗ xẻ (Triệu đồng)
Tỉa thưa				
Khai thác				

Câu 8. Rừng có chứng chỉ và rừng không có chứng chỉ giá cả có khác biệt không?

1. Có, giá bán từng loại từng?.....

2. Không

Câu 9. Ông/bà cho biết cơ cấu thu nhập của gia đình trong 1 năm?

1. Nông nghiệp (%):
2. Lâm nghiệp (%):
3. Dịch vụ buôn bán (%):
4. Lương và ccs khoản thu nhập khác (%):

Câu 10. Ông/bà cho biết thu nhập từ hoạt động lâm nghiệp của gia đình trong 1 năm là bao nhiêu?

1. Từ bán gỗ (rừng trồng):
 2. Từ bán cây giống:
 3. Từ các hoạt động khai thác lâm sản ngoài gỗ:
 4. Từ hoạt động làm công:
- Trồng rừng:
- Khai thác:
- Vận chuyển gỗ:

Câu 11. Ông/bà có được tham gia các lớp tập huấn về Kỹ thuật khai thác gỗ an toàn lao động và sơ cấp cứu cho các hội viên không?

.....

Câu 12. Ông/bà có trực tiếp khai thác gỗ hay không?

1. Có
2. Không

Câu 13. Các phương pháp bảo đảm an toàn lao động trong:

13.1. Bảo hộ an toàn khi cưa cây?

1. Có, bảo hộ là gì?
2. Không, vì sao?

13.2. Bảo hộ an toàn khi bóc vỏ?

1. Có, bảo hộ là gì?
2. Không, vì sao?

13.3. Bảo hộ an toàn khi vận chuyển gỗ lên xe (bóc vát)?

1. Có, bảo hộ là gì?
2. Không, vì sao?

Câu 14. Ông/bà có giám sát các phương pháp bảo đảm an toàn lao động trong các khâu kinh doanh rừng hay không? Đặc biệt khi khai thác?

1. Có, khi giám sát ông/bà chú ý đến điều gì?

.....

2. Không

Câu 15. Đường dân sinh trong vùng có bị ảnh hưởng bởi quá trình vận chuyển gỗ hay không?

1. Có, ảnh hưởng như thế nào? Đề xuất cách khắc phục?

.....

2. Không

Câu 16. Đường lâm sinh có bị ảnh hưởng bởi quá trình khai thác, vận chuyển gỗ hay không?

1. Có, ảnh hưởng như thế nào? Đề xuất cách khắc phục?

.....

2. Không

--- Xin cảm ơn ông/bà đã hợp tác ---

Phụ lục 3: Danh sách hộ phỏng vấn

TT	Họ và Tên	Địa chỉ
1	Vi Văn Hiếu	Bá Hạ - Mậu Thạch
2	Lương Công Luận	Kẻ Tát – Mậu Thạch
3	Lô Thị Thuyền	Kẻ Trảng – Mậu Thạch
4	Lê Viết Dũng	Kẻ Mẻ - Mậu Thạch
5	Lang Thị Hồng	Bản Phục – Cam Phục
6	Lương Thị Thân	Bản Phục – Cam Phục
7	Lữ Trần Xuân	Bản Phục – Cam Phục
8	Lộc Văn Ngộ	Bản Đình – Con Cuông
9	Quang Thị Hằng	Tiến Thành – Con Cuông
10	Cao Thị Lý	Tiến Thành – Con Cuông
11	Lô Văn Hội	Khe Rạn – Con Cuông
12	Hà Thị Đào	Nam Sơn – Con Cuông
13	Lô Thị Tuyết	Chăn Năn – Con Cuông
14	Nguyễn Viết Hùng	Quyết Tiến – Con Cuông
15	Nguyễn Thế Thanh	Quyết Tiến – Con Cuông
16	Hà Thị Hương	Thanh Đào – Con Cuông
17	Quang Văn Mừng	Thanh Đào - Con Cuông
18	Trần Thị Hương	Tân Hòa – Con Cuông
19	Lô Văn Hùng	Thủy Khê – Con Cuông
20	Vy Hải Lý	Kẻ Trai – Mậu Thạch
21	Lang Thị Thủy	Kẻ Trảng – Mậu Thạch
22	Vi Thị Hữu	Kẻ Trai – Mậu Thạch
23	Vi Văn Hải	Kẻ Tre – Mậu Thạch
24	Lê Thị Huệ	Kẻ Sùng – Mậu Thạch

Phụ lục 4. Danh sách hộ dân tiến hành khảo sát hiện trường

TT	Họ và Tên chủ rừng	Năm trồng	Địa điểm
1	Lê Việt Duyên	2021	Nà Đười – Mậu Thạch
2	Lang Văn Điền	2021	Kẻ Nóc – Mậu Thạch
3	Ngân Văn Thái	2021	Chòm Bỏi – Mậu Thạch
4	Lang Thị Lý	2020	Kẻ Nóc – Mậu Thạch
5	Lương Văn Diêu	2021	Kẻ Tre – Mậu Thạch
6	Biện Hữu Giáp	2021	Kẻ Trai – Mậu Thạch
7	Lang Văn Mùi	2021	Đồng Tâm – Mậu Thạch
8	Trần Văn Long	2021	Thanh Nam – Con Cuông
9	Nguyễn Văn Khai	2020	Thanh Đào – Con Cuông
10	Lê Hồng Tâm	2020	Tân Hòa – Con Cuông
11	Vy Thị Hùng	2021	Tiến Thành – Con Cuông
12	Hà Thị Hoa	2020	Chăn Năn – Con Cuông
13	Lương Văn Kiều	2021	Liên Đình – Con Cuông
14	Vi Ngọc Phôn	2020	Hợp Thành – Cam Phục
15	Lương Chính Mày	2020	Bản Phục – Cam Phục
16	Trần Quang Nhân	2020	Bản Phục – Cam Phục
17	Vi Văn Miêu	2021	Hồng Điện – Cam Phục

Phụ lục 5. Một số hình ảnh



Tập huấn về Bộ tiêu chuẩn FSC và Thảo luận về các tác động Môi trường – Xã hội do hoạt động SXLN gây ra

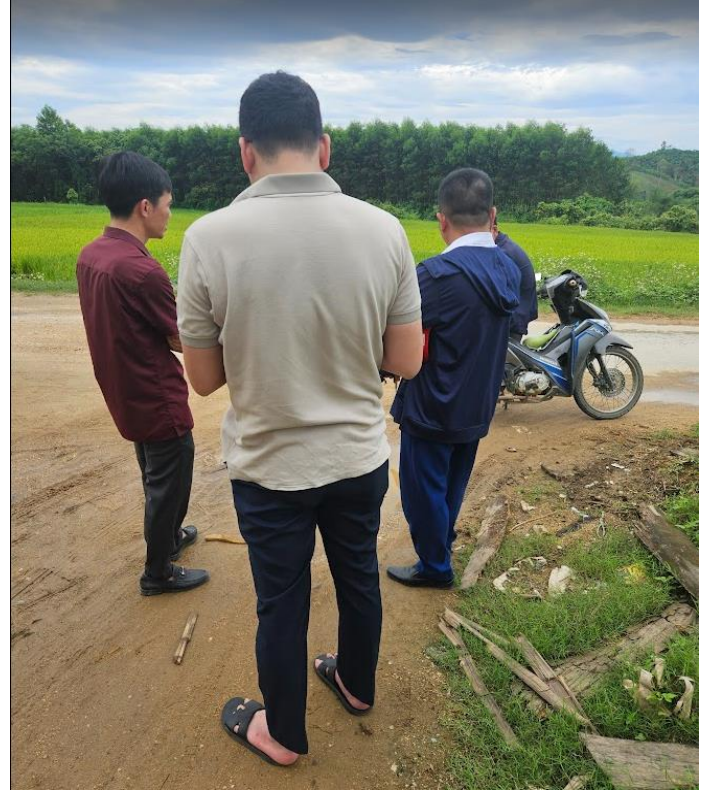


Phổ biến quy trình giám sát cho các trưởng bản



Tập huấn Giám sát và Thực hành Giám sát cùng Ban Đại diện Nhóm CCR và trưởng bản

Phối hợp với kiểm lâm địa phương và các bên liên quan



Một số điểm chưa tuân thủ khi giám sát các lô rừng tại Nhóm CCR Con Cuông

